BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: 850 /TB-ĐHCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2025 - đợt 2

(Tổ chức đào tạo tại Phân hiệu Quảng Ngãi)

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2025 - đợt 2 (tại Cơ sở chính TP.HCM và Phân hiệu Quảng Ngãi) như sau:

1. NGÀNH TUYỂN SINH, CHỈ TIÊU VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

1.1 Ngành tuyển sinh và chỉ tiêu

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chương trình định hướng ứng dụng	Chương trình định hướng nghiên cứu	Tổng chỉ tiêu
1	Kế toán	8340301	30	10	40
2	Quản trị kinh doanh	8340101	20	10	30

1.2 Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển theo các tiêu chí:

- Điểm trung bình chung toàn khóa ở trình độ đại học được thể hiện tại bảng điểm tốt nghiệp đại học;

- Mức độ phù hợp của ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học với ngành/chuyên ngành đăng ký dự tuyển;

- Thuộc đối tượng ưu tiên tại mục 5.1 của thông báo này.

2. ĐIỀU KIỆN DỰ THI

2.1 Về văn bằng: thí sinh đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Đã tốt nghiệp đại học thuộc ngành đúng, ngành phù hợp (nhóm 1) với ngành, chuyên ngành đăng ký dự tuyển.

b) Đã tốt nghiệp đại học thuộc ngành phù hợp (nhóm 2) với ngành, chuyên ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ và đã học bổ sung kiến thức theo quy định.

Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức xem *Phụ lục 1* đính kèm.

c) Học viên theo học chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp đại học từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu và có một kế hoạch học tập.

2.2 Yêu cầu về sức khỏe: Có đủ sức khỏe để học tập.

3. YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

Người dự tuyển được công nhận kết quả xét tuyển môn ngoại ngữ nếu có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau đây:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ Anh; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài (Tiếng Anh);

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do chính cơ sở đào tạo cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Một trong các văn bằng, hoặc chứng chỉ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục 2 còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

d) Người dự tuyển chưa có các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ như quy định ở trên phải đăng ký dự thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo dạng thức đề thi đánh giá năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (bậc 3/6, tương đương trình bộ B1) tại trường trước khi xét tuyển (có thông báo riêng).

4. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

- Hình thức đào tạo: chính quy.
- Tổng số tín chỉ toàn khóa:
  - 45 tín chỉ (cho các học viên tốt nghiệp chương trình đại học chuyên sâu đặc thù từ 150 tín chỉ trở lên, được chuyển đổi tối đa 15 tín chỉ từ bậc đại học).
  - 60 tín chỉ (cho các học viên tốt nghiệp chương trình đại học 120 tín chỉ).
- Thời gian đào tạo: 1,5 - 2 năm, học chủ yếu vào các ngày Thứ 7 và CN.

5. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

5.1 Đối tượng ưu tiên:

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.

c) Con liệt sĩ.

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động.

e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được uỷ ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

5.2 Mức ưu tiên:

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên được ưu tiên xét tuyển theo thứ tự ưu tiên như tại mục 1.2 của thông báo này.

6. THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ, HỌC BỔ SUNG

Tuyển sinh đợt 2 năm 2025:

Lấy này 29/10 làm hạn chót

- Nộp hồ sơ trực tuyến: đến hết ngày 29/10/2025 *(để duyệt chuyên môn)*
- Nộp hồ sơ giấy: đến hết ngày 05/11/2025
- Hoàn thành học bổ sung kiến thức: đến hết ngày 25/10/2025
- Ngày xét tuyển: dự kiến ngày 10/12/2025
- Thi đánh giá năng lực tiếng Anh *(nếu chưa có văn bằng hoặc chứng chỉ tiếng Anh)*: dự kiến ngày 01/12/2025 (có thông báo riêng).

Tuyển sinh đợt 1 năm 2026: Tháng 5/2026.

7. LỆ PHÍ HỒ SƠ DỰ TUYỂN

Lệ phí xét duyệt hồ sơ và dự tuyển: 1.500.000 đồng/thí sinh (không hoàn lại)
Phí học bổ sung kiến thức: 900.000 đồng/tín chỉ
Học phí năm 2025-2026: 1.430.000 đồng/tín chỉ, 42.900.000đ/ năm (dành cho khối kinh tế)

Hồ sơ đăng ký gồm:

- Phiếu đăng ký dự tuyển
- Sơ yếu lý lịch
- Giấy xác nhận thâm niên công tác (nếu có)
- 01 Bản kế hoạch học tập (định hướng nghiên cứu)
- 01 Bản công bố khoa học (định hướng nghiên cứu, nếu có)
- 01 Bản sao y bằng Đại học
- 01 Bản sao y bảng điểm Đại học
- 01 Bản sao y CMND/CCCD
- 01 Bản sao y văn bằng/chứng chỉ tiếng Anh (nếu có)
- 01 Giấy khám sức khỏe (không quá 6 tháng)
- 04 Ảnh 3×4 (không quá 6 tháng)

8. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP HỒ SƠ

Tại Phân hiệu Quảng Ngãi:

Phòng Giáo vụ và Công tác Sinh viên, Phân hiệu Quảng Ngãi

Số 938 Quang Trung, phường Cẩm Thành, TP. Quảng Ngãi.

Điện thoại: (0255) 2.222.135. Hotline: 0916.222.135

Website: http://qn.iuh.edu.vn/tuyen-sinh

Lưu ý:

- Thí sinh nộp hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống đăng ký dự thi để duyệt điều kiện chuyên môn tại: http://nophoso-sdh.iuh.edu.vn
- Thí sinh nộp hồ sơ giấy và nộp tiền trực tiếp theo địa chỉ liên hệ ở trên./.

Nơi nhận:
- Ban giám hiệu;
- Đăng website Trường;
- Lưu VT, ĐTQT&SĐH.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Phan Hồng Hải

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP VÀ CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC

(Kèm theo Thông báo số 850 /TB–ĐHCN ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

a. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp:

TT	Ngành tuyển sinh	Ngành đúng, ngành phù hợp (nhóm 1)	Ngành phù hợp (nhóm 2)
1	Kế toán	Kế toán; Kiểm toán	Kinh doanh (Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Marketing, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại); Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm; Quản trị - Quản lý (Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Quản trị văn phòng, Hệ thống thông tin quản lý)
2	Quản trị kinh doanh (hướng nghiên cứu)	Quản trị kinh doanh; Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử	Tài chính – ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Kiểm toán; Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án; Kinh tế; Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Luật; Luật kinh tế; Luật quốc tế; Quản lý công nghiệp; Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Kinh doanh thời trang và dệt may; Bất động sản
	Quản trị kinh doanh (hướng ứng dụng)	Quản trị kinh doanh; Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử	Kinh doanh thời trang và dệt may; Bất động sản; Tài chính – ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Kiểm toán; Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án; Quản lý văn hóa; Kinh tế; Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Quản lý nhà nước; Truyền thông quốc tế; Quan hệ công chúng; Thông tin – thư viện; Quản lý thông tin; Luật; Luật hiến pháp và luật hành chính; Luật hình sự và tố tụng hình sự; Luật kinh tế; Luật quốc tế; Quản lý công nghiệp; Kinh tế công nghiệp; Logistics và quản lý chuỗi cung ứng;

			Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm; Quy hoạch vùng và đô thị; Quản lý đô thị và công trình; Kinh tế xây dựng; Quản lý xây dựng; Kinh doanh nông nghiệp; Kinh tế nông nghiệp; Phát triển nông thôn; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý thủy sản; Tổ chức và quản lý y tế; Quản lý bệnh viện; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Quản lý thể dục thể thao; Kinh tế gia đình; Khai thác vận tải; Quản lý hoạt động bay; Kinh tế vận tải; Quản lý tài nguyên và môi trường; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý đất đai; Quản lý nhà nước về an ninh trật tự; Quản lý trật tự an toàn giao thông

b. Các học phần bổ sung kiến thức:

TT	Ngành tuyển sinh	Học phần bổ sung	Tín chỉ
1	Kế toán	- Kế toán tài chính - Kế toán quản trị - Kiểm toán - Kế toán quốc tế	2 2 2 2
2	Quản trị kinh doanh	- Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô - Quản trị học - Marketing căn bản/ Nguyên lý marketing	3 3 3 3

PHỤ LỤC 2

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Thông báo số 850 /TB–ĐHCN ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/ Thang điểm Chuẩn đầu vào thạc sĩ tương đương bậc 3
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45
		TOEFL ITP	450-499
		IELTS	4.0-5.0
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149
		Aptis ESOL International Certificate	B1
		Vietnamese Standardized Test of Englich Proficiency (VSTEP)	Bậc 3
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1
		The German TestDaF language Certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4
6	Tiếng Nga	ТРКИ – Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1

Lưu ý:

- Chỉ chấp nhận chứng chỉ được cấp bởi các đơn vị được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài tại Việt Nam và các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (công bố chính thức trên Website của Cục Quản lý Chất lượng).

- Các chứng chỉ tiếng nước ngoài chỉ được chấp nhận sau quy trình hậu kiểm.

- Chứng chỉ ngoại ngữ có giá trị trong 02 năm tính từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

- Không chấp nhận chứng chỉ TOEFL IBT phiên bản Home edition cấp sau ngày 09/09/2022 theo Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 26/7/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.